

GẮN KINH TẾ VỚI XÃ HỘI - ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN CỦA ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG Ở VIỆT NAM

★ GS, TS TRẦN VĂN PHÒNG
TS LÊ THỊ HẠNH

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

● **Tóm tắt:** Bài viết phân tích chỉ rõ đặc trưng cơ bản của định hướng XHCN trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam là gắn kinh tế với xã hội. Điều này thể hiện qua ba nội dung cơ bản: thống nhất chính sách kinh tế với chính sách xã hội; tăng trưởng kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường; thực hiện phân phối sản phẩm lao động công bằng.

● **Từ khóa:** kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, gắn kinh tế với xã hội, tăng trưởng kinh tế, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường.

Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng khẳng định: “Đưa ra quan niệm phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một đột phá lý luận rất cơ bản và sáng tạo của Đảng ta, là thành quả lý luận quan trọng qua 35 năm thực hiện đường lối đổi mới, xuất phát từ thực tiễn Việt Nam và tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của thế giới”⁽¹⁾. Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam là mô hình kinh tế mới: “Đó là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” phù

hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước”⁽²⁾. Định hướng XHCN của nền kinh tế thị trường này có một đặc trưng cơ bản, thuộc tính quan trọng là *gắn kinh tế với xã hội*. Điều này thể hiện ở những điểm cơ bản sau:

Một là, *thống nhất chính sách kinh tế với chính sách xã hội*. Trong khi phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN, Đảng và Nhà nước Việt Nam coi kinh tế thị trường là công cụ, phương tiện để thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, vì vậy, trong quá trình phát triển, Đảng, Nhà nước Việt Nam luôn thống nhất chính sách kinh tế với chính sách xã hội.

Ngay từ khi bắt đầu đổi mới năm 1986, tại Đại hội VI, Đảng ta đã hiểu rõ: “Chính sách xã hội

bao trùm mọi mặt cuộc sống con người: điều kiện lao động và sinh hoạt, giáo dục và văn hóa, quan hệ gia đình, quan hệ giai cấp, quan hệ dân tộc⁽³⁾. Chính vì vậy, Đại hội VI yêu cầu “Cần thể hiện đầy đủ trên thực tế quan điểm của Đảng và Nhà nước về sự thống nhất giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội, khắc phục thái độ coi nhẹ chính sách xã hội, tức là coi nhẹ yếu tố con người trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội⁽⁴⁾. Đây là quan điểm đúng, phù hợp với mục tiêu phục vụ nhân dân của Đảng, Nhà nước ta.

Đảng ta nhận thức rất đúng rằng: “Trình độ phát triển kinh tế là điều kiện vật chất để thực hiện chính sách xã hội, nhưng những mục tiêu xã hội lại là mục đích

của các hoạt động kinh tế. Ngay trong khuôn khổ của hoạt động kinh tế, chính sách xã hội có ảnh hưởng trực tiếp đến năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, là một nhân tố quan trọng để phát triển sản xuất⁽⁵⁾. Tiếp tục tinh thần này, Đại hội VII (năm 1991) nhấn mạnh: “Mục tiêu của chính sách xã hội thống nhất với mục tiêu phát triển kinh tế, đều nhằm phát huy nhân tố con người và vì con người⁽⁶⁾. Đồng thời, Đại hội cũng khẳng định: “Coi phát triển kinh tế là cơ sở và tiền đề để thực hiện các chính sách xã hội, thực hiện tốt chính sách xã hội là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế⁽⁷⁾. Kế thừa tinh thần Đại hội VI, VII, Đại hội VIII (năm 1996) đề ra mục tiêu “tăng trưởng kinh tế nhanh, hiệu quả cao và bền vững đi đôi với giải quyết những vấn đề bức xúc về xã hội⁽⁸⁾. Trên cơ sở đó, Đại hội VIII đề ra nhiệm vụ giải quyết việc làm, phát triển toàn

diện các mặt văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao, y tế, giáo dục và đào tạo cùng các mặt xã hội khác.

Đại hội IX của Đảng (năm 2001) đã phát triển quan điểm thống nhất chính sách kinh tế và chính sách xã hội lên thành chủ trương “kết hợp phát triển kinh tế - xã hội”. Trên cơ sở đó, Đại hội yêu cầu gắn phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và bảo vệ, cải thiện môi trường.

Đại hội X của Đảng (năm 2006) vẫn tiếp tục tinh thần kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với phương châm “Kết hợp các mục tiêu kinh tế với các mục tiêu xã hội trong phạm vi cả nước, ở từng lĩnh vực, địa phương..., thực hiện tốt các chính sách xã hội trên cơ sở phát

Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng khẳng định: “Đưa ra quan niệm phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một đột phá lý luận rất cơ bản và sáng tạo của Đảng ta, là thành quả lý luận quan trọng qua 35 năm thực hiện đường lối đổi mới, xuất phát từ thực tiễn Việt Nam và tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của thế giới”.

triển kinh tế⁽⁹⁾. Tổng kết 20 năm đổi mới, Đại hội X đã rút ra bài học kinh nghiệm “càng đi vào kinh tế thị trường càng phải chăm lo tốt hơn phúc lợi xã hội, giải quyết việc làm, xóa đói, giảm nghèo, phát triển giáo dục, văn hóa, chăm lo sức khỏe nhân dân⁽¹⁰⁾.

Đại hội XI của Đảng (năm 2011) tiếp tục tinh thần “kết hợp chặt chẽ các mục tiêu, chính sách kinh tế với các mục tiêu, chính sách xã hội⁽¹¹⁾ và phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, xã hội hài hòa với phát triển kinh tế. Trên cơ sở đó, Đại hội đề ra nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội hài hòa giữa các vùng, đô thị và nông thôn.

Đại hội XII của Đảng (năm 2016) khẳng định tiếp tục “Gắn kết chặt chẽ chính sách kinh tế với chính sách xã hội, phát triển kinh tế với nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân⁽¹²⁾. Đại hội XIII của Đảng (năm 2021) xác định “phát triển

hài hòa giữa kinh tế với văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu”⁽¹³⁾.

Như vậy, qua bảy kỳ Đại hội thời kỳ đổi mới, với cách diễn đạt có thể khác nhau nhưng tinh thần chung của Đảng, Nhà nước ta là thống nhất chính sách kinh tế với chính sách xã hội trong phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN.

Hai là, tăng trưởng kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường. Ngay từ Đại hội VI (năm 1986) khi đất nước còn đang rất khó khăn, Đảng đã thể hiện rõ quan điểm “hơn bao giờ hết, chúng ta phải luôn luôn kết hợp chặt chẽ kinh tế với xã hội, xã hội với kinh tế. Mục tiêu ổn định tình hình, giải phóng năng lực sản xuất không chỉ là phát triển sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật mới mà còn là giải quyết các vấn đề xã hội, từ công việc làm đến đời sống vật chất và văn hóa, bồi dưỡng sức dân, xây dựng các quan hệ xã hội tốt đẹp, lối sống lành mạnh, thực hiện công bằng xã hội”⁽¹⁴⁾. Đại hội cũng đề ra mục tiêu “Cùng với việc tiến tới xóa bỏ cơ sở kinh tế - xã hội của sự bất công xã hội, phải đấu tranh kiên quyết chống những hiện tượng tiêu cực, làm cho những nguyên tắc công bằng xã hội, và lối sống lành mạnh được khẳng định trong cuộc sống hàng ngày của xã hội ta”⁽¹⁵⁾. Đại hội VI cũng đã chú ý tới vấn đề bảo vệ môi trường, “xây dựng và bảo vệ vốn rừng hiện có, làm cho vốn rừng không ngừng tăng lên, thực hiện các biện pháp toàn diện nhằm chấm dứt nạn phá rừng, cháy rừng... Đầu tư thích đáng cho việc tu bổ, bảo vệ rừng, trồng rừng vùng cao, rừng đầu nguồn, v.v..”⁽¹⁶⁾.

Đại hội VII của Đảng đề ra mục tiêu kết hợp hài hòa “giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ xã hội; giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần của nhân dân”⁽¹⁷⁾. Đặc biệt Đại hội VII xác định rõ “*Sự nghiệp phát triển kinh tế đặt con người*

vào vị trí trung tâm, thống nhất tăng trưởng kinh tế với công bằng và tiến bộ xã hội”⁽¹⁸⁾. Tiếp tục tinh thần Đại hội VI, Đại hội VII rất chú trọng công tác bảo vệ, sử dụng tài nguyên thiên nhiên hợp lý, bảo vệ hệ sinh thái.

Đại hội VIII tổng kết 10 năm thực hiện đổi mới đã coi “tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội” là một bài học kinh nghiệm quý báu. Trên cơ sở này, Đại hội định hướng “Tăng trưởng kinh tế gắn với cải thiện đời sống nhân dân, phát triển văn hóa, giáo dục, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường”⁽¹⁹⁾. Đại hội VIII có bước phát triển vượt bậc khi khẳng định “Tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và trong suốt quá trình phát triển. Công bằng xã hội phải thể hiện cả ở khâu phân phối hợp lý tư liệu sản xuất lẫn ở khâu phân phối kết quả sản xuất, ở việc tạo điều kiện cho mọi người đều có cơ hội phát triển và sử dụng tốt năng lực của mình”⁽²⁰⁾. Về bảo vệ môi trường, Đại hội yêu cầu “Áp dụng các công nghệ hiện đại trong việc kiểm soát, đánh giá và xử lý tác động môi trường. Ưu tiên các công nghệ sạch, tốn ít nguyên, nhiên liệu. Đề xuất các phương pháp khoa học và ứng dụng các phương tiện kỹ thuật để hạn chế hậu quả thiên tai”⁽²¹⁾.

Đại hội IX, trên tinh thần quán triệt quan điểm “Tăng trưởng kinh tế gắn liền với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước phát triển”⁽²²⁾, đã đề ra đường lối, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, bao gồm nội dung “*tăng trưởng kinh tế đi liền với phát triển văn hóa, từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ và cải thiện môi trường*”⁽²³⁾. Trên tinh thần này, Đại hội IX đề ra quan điểm: “Phát triển kinh tế - xã hội gắn chặt với bảo vệ và cải thiện môi trường, bảo đảm sự

hài hòa giữa môi trường nhân tạo và môi trường thiên nhiên, giữ gìn đa dạng sinh học. Chủ động phòng, chống tác động xấu của thiên tai, của sự biến đổi khí hậu và tiếp tục giải quyết hậu quả của chiến tranh còn lại đối với môi trường”⁽²⁴⁾.

Đại hội X, XI, XII, XIII của Đảng tiếp tục quán triệt chủ trương thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển. Nghĩa là không chờ kinh tế phát triển cao rồi mới thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Các Đại hội cũng rất quan tâm vấn đề gắn tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường. Từ Đại hội XI, Đảng coi quan hệ “giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường” là một trong các quan hệ lớn cần nắm vững và xử lý tốt. Trong các kỳ đại hội thời kỳ đổi mới, đặc biệt là từ Đại hội VIII, Đảng Cộng sản Việt Nam rất chú trọng khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xóa đói, giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất tinh thần của nhân dân gắn với bảo vệ môi trường. Nhờ vậy, hiện nay “Tỷ lệ hộ nghèo trung bình mỗi năm giảm khoảng 1,5%; giảm từ 58% năm 1993 xuống còn 5,8% năm 2016 theo chuẩn nghèo của Chính phủ và dưới 3% năm 2020 theo chuẩn nghèo đa chiều (tiêu chí cao hơn trước)”⁽²⁵⁾. Đến Đại hội XIII, trong quan điểm phát triển thứ nhất đã nhấn mạnh “phát triển hài hòa giữa kinh tế với văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu; quan tâm tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng chính sách, người có công, người nghèo, người yếu thế, đồng bào dân tộc thiểu số”⁽²⁶⁾. Đại hội XIII cũng đề ra một số chỉ tiêu về bảo vệ môi trường đến năm 2030, như tỷ lệ che phủ rừng ổn định ở mức 42%, tỷ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải ra lưu vực các sông đạt trên 70%, giảm 9% lượng phát thải khí nhà kính, 100% các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường v.v..

Như vậy, xuyên suốt các kỳ đại hội Đảng thời kỳ đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn chủ trương tăng trưởng kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường.

Ba là, thực hiện phân phối sản phẩm lao động công bằng. Tại Đại hội VI, Đảng đã đánh giá “Việc thực hiện đúng nguyên tắc phân phối theo lao động đòi hỏi phải sửa đổi một cách căn bản chế độ tiền lương theo hướng bảo đảm yêu cầu tái sản xuất sức lao động, khắc phục tính chất bình quân, xóa bỏ từng bước phần cung cấp còn lại trong chế độ tiền lương, áp dụng các hình thức trả lương gắn chặt với kết quả lao động và hiệu quả kinh tế”⁽²⁷⁾; đồng thời vẫn duy trì một số chế độ phúc lợi xã hội, tuy nhiên, sửa đổi một số chế độ phúc lợi vượt quá khả năng của nền kinh tế.

Đại hội VII chủ trương “Đổi mới *chính sách tiền lương và thu nhập*, khuyến khích mọi người tăng thu nhập và làm giàu dựa vào kết quả lao động và hiệu quả kinh tế... tiền lương và tiền công phải dựa trên số lượng và chất lượng lao động, bảo đảm tái sản xuất sức lao động, tiền tệ hóa tiền lương, xóa bỏ chế độ bao cấp ngoài lương dưới hình thức hiện vật”⁽²⁸⁾, v.v.. Như vậy, Đại hội VI, VII của Đảng đã chủ trương thực hiện phân phối theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, kết hợp với phúc lợi xã hội. Đây là cách tiếp cận phân phối công bằng trong điều kiện đất nước còn nhiều khó khăn.

Từ Đại hội VIII, vấn đề phân phối được phát triển lên một bước, thể hiện tính công bằng rõ hơn. Đại hội chủ trương “Thực hiện nhiều hình thức phân phối, lấy phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế là chủ yếu, đồng thời phân phối dựa trên mức đóng góp các nguồn lực khác vào sản xuất kinh doanh và phân phối thông qua phúc lợi xã hội, đi đôi với chính sách điều tiết hợp lý, bảo hộ quyền lợi của người lao

động”⁽²⁹⁾. Đây là chủ trương đúng đắn vì nó vừa tuân thủ theo quy luật kinh tế thị trường vừa bảo đảm được bản chất của CNXH.

Đại hội IX, X tiếp tục chủ trương thực hiện phân phối chủ yếu theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế, đồng thời phân phối theo mức đóng góp vốn và các nguồn lực khác vào sản xuất, kinh doanh và thông qua phúc lợi xã hội.

Đại hội XI có bước phát triển mới trên cơ sở tinh thần Đại hội X nhưng đã đề cập đến kết hợp phân phối qua an sinh xã hội: “Phân phối kết quả làm ra chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và phân phối thông qua hệ thống an sinh xã hội, phúc lợi xã hội”⁽³⁰⁾. Cũng trên tinh thần này, Đại hội XII đề ra nhiệm vụ “Bảo đảm tiền lương, thu nhập công bằng đủ điều kiện sống và tái sản xuất sức lao động”⁽³¹⁾. Đồng thời, Đại hội cũng đặt ra yêu cầu “Tiếp tục hoàn thiện chính sách an sinh xã hội phù hợp với quá trình phát triển kinh tế - xã hội, mở rộng đối tượng và nâng cao hiệu quả của hệ thống an sinh xã hội đến mọi người dân”⁽³²⁾, “Cải cách chính sách tiền lương, tiền công theo nguyên tắc thị trường, phù hợp với tăng năng xuất lao động”⁽³³⁾.

Đại hội XIII tiếp tục tinh thần phân phối công bằng nhưng cụ thể hóa một bước “Cải cách chính sách tiền lương theo hướng gắn với sự thay đổi của giá cả sức lao động trên thị trường, tương xứng với tốc độ tăng trưởng kinh tế và tốc độ tăng năng suất lao động, bảo đảm nguyên tắc phân phối theo lao động, tạo động lực nâng cao năng suất và hiệu quả. Chú trọng nâng cao phúc lợi xã hội, an sinh xã hội”⁽³⁴⁾.

Như vậy, để bảo đảm giữ vững định hướng XHCN trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam đã thực hiện gắn kinh tế với xã hội, thống nhất chính sách kinh tế với chính sách xã hội, tăng trưởng kinh tế đi đôi với

phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách và trong suốt quá trình phát triển; thực hiện phân phối công bằng. Đây chính là “Một đặc trưng cơ bản, thuộc tính quan trọng của định hướng xã hội chủ nghĩa trong kinh tế thị trường ở Việt Nam”⁽³⁵⁾ □

Ngày nhận bài 1-8-2021; Ngày phản biện: 10-9-2021; Ngày duyệt đăng: 20-12-2021.

(1), (25), (35) Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, <https://nhandan.com.vn/>, ngày 16-5-2021.

(2), (13), (26), (34) ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.128, 214, 214-125, 149.

(3), (4), (5), (14), (15), (16), (27) ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1986, tr.86, 86, 86, 185, 87, 161-162, 72.

(6), (7), (17), (18), (28) ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1991, tr.73, 73, 73, 115, 73-74.

(8), (19), (20), (21), (29) ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.168, 85, 113, 105, 113-114.

(9), (10) ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.101, 182.

(11), (30) ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.124, 206.

(12), (31), (32), (33) ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr.30, 136, 137, 301.

(22), (23), (24) ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.88, 89, 164.